

**CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 323 /TKT-TCHC

V/v công khai kết quả Tổng kiểm
kê thời điểm 0h00 ngày
01/01/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Các Phòng thuộc cơ quan Thống kê tỉnh;
- Các Thống kê cơ sở.

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 3914/QĐ-BTC ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2026 tại Bộ Tài chính;

Thực hiện Công văn số 3007/CTK-KHTC ngày 23/12/2025 của Cục Thống kê về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2026;

Trên cơ sở dữ liệu tổng hợp kết quả được kết xuất từ phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công năm 2026, Thống kê tỉnh Lâm Đồng công khai kết quả Tổng kiểm kê tài sản công của các đơn vị trực thuộc tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2026, với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tổng số đơn vị thực hiện kiểm kê: 17/17 đơn vị trực thuộc Thống kê tỉnh Lâm Đồng thuộc đối tượng kiểm kê và hoàn thành công tác kiểm kê, đạt 100%;
- Tổng số tài sản: 731 tài sản;
- Tổng nguyên giá: 293.070.265.212 đồng;
- Tổng giá trị còn lại: 232.030.850.773 đồng.

(Chi tiết theo Báo cáo kết quả Tổng kiểm kê tài sản công gửi kèm theo)

Thống kê tỉnh Lâm Đồng công khai kết quả Tổng kiểm kê tài sản công năm 2026 để các phòng thuộc Thống kê tỉnh và các Thống kê cơ sở biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Thống kê tỉnh;
- Các Phó Trưởng Thống kê tỉnh;
- Website Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, TCHC.



Phạm Quốc Hùng

Mẫu số 01b-BC/TSCĐ

[illegible]

2.2.4	Xe ô tô 13-16 chỗ ngồi	Cái			-														
2.2.5	Xe ô tô bán tải	Cái			-														
2.3	Xe ô tô chuyên dùng	-			-														
2.3.1	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	Cái			-														
2.3.2	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	Cái			-														
2.3.3	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết	Cái			-														
2.3.4	Xe ô tô tải	Cái			-														
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	Cái			-														
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Cái			-														
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	-			-				16.500.000			1		1					1
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	Cái	1		-				16.500.000			1		1					1
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	Cái			-														
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	Cái			-														
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	Cái			-														
3.5	Phương tiện vận tải khác	Cái			-														
4	Máy móc, thiết bị	-			-				22.518.781.690	6.051.453.960	659		659						659
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	Cái	421		-				9.098.627.608	2.970.477.548	421		421						421
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	Cái	226		-				12.437.246.882	2.637.315.830	226		226						226
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Cái	12		-				982.907.200	443.660.582	12		12						12
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	-			-														
5.1	Các loại súc vật	Con			-														
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	Cây/ Vườn			-														
5.3	Thâm cỏ, cây cảnh, vườn cây cảnh	Cây/ Vườn/ Thâm			-														
6	Tài sản cố định đặc thù	Cái			-														
7	Tài sản cố định hữu hình khác	Cái	6		-				489.767.500	323.534.812	6		6						6
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	-			-				440.579.292	86.448.333	8		8						8
8.1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.2	Quyền sở hữu công nghiệp	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	6		-				407.654.292	86.448.333	6		6						6
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái	2		-				32.925.000		2		2						2
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản			-														
	TỔNG CỘNG		731	0	0				293.070.265.212	231.522.771.623	731	0	731	0	0	0	0	0	731

2.2.4	Xe ô tô 13-16 chỗ ngồi	Cái			-														
2.2.5	Xe ô tô bán tải	Cái			-														
2.3	Xe ô tô chuyên dùng	-			-														
2.3.1	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	Cái			-														
2.3.2	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	Cái			-														
2.3.3	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết	Cái			-														
2.3.4	Xe ô tô tải	Cái			-														
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	Cái			-														
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Cái			-														
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	-			-			16.500.000		1		1							1
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	Cái	1		-			16.500.000		1		1							1
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	Cái			-														
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	Cái			-														
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	Cái			-														
3.5	Phương tiện vận tải khác	Cái			-														
4	Máy móc, thiết bị	-			-			22.518.781.690	6.559.533.110	659		659							659
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	Cái	416		-			8.601.180.508	3.121.098.698	416		416							416
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	Cái	242		-			13.883.100.182	3.438.434.412	242		242							242
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Cái	1		-			34.501.000		1		1							1
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	-			-														
5.1	Các loại súc vật	Con			-														
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	Cây/ Vườn			-														
5.3	Thâm cỏ, cây cảnh, vườn cây cảnh	Cây/ Vườn/ Thâm			-														
6	Tài sản cố định đặc thù	Cái			-														
7	Tài sản cố định hữu hình khác	Cái	6		-			489.767.500	323.534.812	6		6							6
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	-			-			440.579.292	86.448.333	8		8							8
8.1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.2	Quyền sở hữu công nghiệp	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	6		-			407.654.292	86.448.333	6		6							6
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái	2		-			32.925.000		2		2							2
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản			-														
TỔNG CỘNG			731	0	0			293.070.265.212	232.030.850.773	731	0	731	0	0	0	0	0	731	0

Lâm Đồng... ngày 20 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị tổng hợp

(Ký, họ tên và đóng dấu)



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Hoài Hải

Mã đơn vị tổng hợp: 018035031

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
Tổng hợp chung
(Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

[illegible]

2.2.5	Xe ô tô bán tải	Cái			-														
2.3	Xe ô tô chuyên dùng	-			-														
2.3.1	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	Cái			-														
2.3.2	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	Cái			-														
2.3.3	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết	Cái			-														
2.3.4	Xe ô tô tải	Cái			-														
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	Cái			-														
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Cái			-														
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	-			-			16.500.000		1		1						1	
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	Cái	1		-			16.500.000		1		1						1	
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	Cái			-														
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	Cái			-														
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	Cái			-														
3.5	Phương tiện vận tải khác	Cái			-														
4	Máy móc, thiết bị	-			-			22.518.781.690	6.559.533.110	659		659						659	
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	Cái	416		-			8.601.180.508	3.121.098.698	416		416						416	
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	Cái	242		-			13.883.100.182	3.438.434.412	242		242						242	
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Cái	1		-			34.501.000		1		1						1	
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	-			-														
5.1	Các loại súc vật	Con			-														
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	Cây/ Vườn			-														
5.3	Thâm cò, cây cảnh, vườn cây cảnh	Cây/ Vườn/ Thâm			-														
6	Tài sản cố định đặc thù	Cái			-														
7	Tài sản cố định hữu hình khác	Cái	6		-			489.767.500	323.534.812	6		6						6	
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	-			-			440.579.292	86.448.333	8		8						8	
8.1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.2	Quyền sở hữu công nghiệp	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ			-														
8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	6		-			407.654.292	86.448.333	6		6						6	
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái	2		-			32.925.000		2		2						2	
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản			-														
	TỔNG CỘNG		731	0	0			293.070.265.212	232.030.850.773	731	0	731	0	0	0	0	0	731	0

Lan Đai, ngày 20 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị tổng hợp

(Ký, họ tên và đóng dấu)



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Hoài Hải

Mẫu số 01d-BC/TSCĐ

[illegible]

[illegible]

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị tổng hợp

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Hoài Hải

Ghi chú: Việc báo cáo được thực hiện theo số liệu tổng cộng tương ứng với từng nhóm tài sản tại cột (2)

Mã đơn vị tổng hợp: 018035031

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
Tổng hợp tài sản đã xác định giá trị tài sản (Nguyên giá > 1 đồng)
(Áp dụng cho đơn vị tổng hợp)

[illegible]

2.2.5	Xe ô tô bán tải	Cái				-													
2.3	Xe ô tô chuyên dùng	-				-													
2.3.1	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	Cái				-													
2.3.2	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	Cái				-													
2.3.3	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết	Cái				-													
2.3.4	Xe ô tô tải	Cái				-													
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	Cái				-													
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	Cái				-													
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	-				-			16.500.000		1		1					1	
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	Cái	1			-			16.500.000		1		1					1	
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	Cái				-													
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	Cái				-													
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	Cái				-													
3.5	Phương tiện vận tải khác	Cái				-													
4	Máy móc, thiết bị	-				-			22.518.781.690	6.559.533.110	659		659					659	
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	Cái	416			-			8.601.180.508	3.121.098.698	416		416					416	
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	Cái	242			-			13.883.100.182	3.438.434.412	242		242					242	
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Cái	1			-			34.501.000		1		1					1	
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	-				-													
5.1	Các loại súc vật	Con				-													
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	Cây/ Vườn				-													
5.3	Thảm cỏ, cây cảnh, vườn cây cảnh	Cây/ Vườn/ Thảm				-													
6	Tài sản cố định đặc thù	Cái				-													
7	Tài sản cố định hữu hình khác	Cái	6			-			489.767.500	323.534.812	6		6					6	
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	-				-			440.579.292	86.448.333	8		8					8	
8.1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ				-													
8.2	Quyền sở hữu công nghiệp	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ				-													
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ				-													
8.4	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	6			-			407.654.292	86.448.333	6		6					6	
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	Cái	2			-			32.925.000		2		2					2	
9	Tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ	Tài sản				-													
	TỔNG CỘNG		731	0	0				293.070.265.212	232.030.850.773	731	0	731	0	0	0	0	731	0

Ghi chú: Việc báo cáo được thực hiện theo số liệu tổng cộng tương ứng với từng nhóm tài sản tại cột (2)

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 04 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị tổng hợp
(Ký, họ tên và đóng dấu)




Nguyễn Hoài Hải

**CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 292/BC-TKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý
của Thống kê Tỉnh Lâm Đồng**

Thực hiện Công văn số 935/CTK-KHTC ngày 16/4/2026 của Cục Thống kê về việc rà soát, chuẩn hóa số liệu và báo cáo kết quả rà soát, chuẩn hóa số liệu Tổng kiểm kê tại thời điểm 0 giờ 00 ngày 01/01/2026, Thống kê tỉnh Lâm Đồng báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. VIỆC TRIỂN KHAI TỔNG KIỂM KÊ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ

1. Công tác tổ chức triển khai

Trên cơ sở thực hiện Công văn số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính và Công văn số 3007/CTK-KHTC ngày 23/12/2025 của Cục Thống kê về việc thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã nghiêm túc triển khai công tác tổng kiểm kê với các nội dung chủ yếu như sau:

- Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 197/QĐ-TKT ngày 31/12/2025 của Trưởng Thống kê tỉnh về việc thành lập Tổ kiểm kê phục vụ Tổng kiểm kê tài sản công; phân công ông Nguyễn Hoài Hải làm Tổ trưởng, đồng thời thành lập tổ giúp việc gồm công chức thuộc Phòng Tổ chức - Hành chính và các bộ phận chuyên môn có liên quan để tham mưu, tổ chức thực hiện.

- Đơn vị đã tổ chức phổ biến nội dung, yêu cầu và phương pháp thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công đến toàn thể công chức, người lao động; cử công chức phụ trách hướng dẫn trực tiếp việc khai thác, sử dụng Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công, bảo đảm việc cập nhật, tổng hợp và đồng bộ dữ liệu được thực hiện đầy đủ, chính xác.

- Thống kê tỉnh đã hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện kiểm kê tài sản công theo đúng quy định; đồng thời theo dõi, đôn đốc và yêu cầu báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ hằng tuần để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Kết quả thực hiện

- Đơn vị đã tổ chức kiểm kê thực tế kết hợp đối chiếu với sổ kế toán, sổ theo dõi tài sản, bảo đảm hoàn thành đúng thời hạn theo kế hoạch của toàn ngành.

- Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành việc lập báo cáo và gửi báo cáo trên Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công theo quy định.

II. KẾT QUẢ TỔNG KIỂM KÊ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ QUẢN LÝ

1. Tổng hợp tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Đối tượng kiểm kê

Tổng số đơn vị thuộc diện kiểm kê là 17/17 đơn vị, gồm:

- 01 cơ quan Thống kê tỉnh Lâm Đồng;
- 16 Thống kê cơ sở.

b) Tổng hợp giá trị tài sản

Tổng số tài sản công thuộc phạm vi kiểm kê của Thống kê tỉnh Lâm Đồng là 731 tài sản, bao gồm nhà, đất, xe ô tô, máy móc, thiết bị, vật kiến trúc và các tài sản khác, với giá trị như sau:

- Nguyên giá: 293.070.265.212 đồng.
- Giá trị còn lại: 232.030.850.773 đồng.

2. Cơ cấu tài sản

a) Phân theo nhóm tài sản

Cơ cấu tài sản công của Thống kê tỉnh Lâm Đồng được tổng hợp như sau:

Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
Đất trụ sở làm việc	Khuôn viên	23	154.254.304.300	154.254.304.300
Nhà làm việc	Cái	26	111.269.522.430	70.448.329.840
Vật kiến trúc	Cái	04	122.220.000	0
Xe ô tô	Cái	04	3.958.590.000	358.700.378
Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	Cái	416	8.601.180.508	3.121.098.698
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	Cái	242	13.883.100.182	3.438.434.412
Máy móc, thiết bị dùng chung	Cái	01	34.501.000	0
Tài sản cố định hữu hình khác	Cái	06	489.767.500	323.534.812
Phần mềm ứng dụng	Cái	06	407.654.292	86.448.333
Tài sản cố định vô hình khác	Cái	02	32.925.000	
Cộng		731	293.070.265.212	232.030.850.773

Tổng hợp chi tiết theo Mẫu số 01b, 01c, 01d, 01đ được xuất từ Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công, gửi kèm theo báo cáo này.

b) Phân theo loại hình đơn vị

Loại hình đơn vị thực hiện kiểm kê là cơ quan nhà nước.

Tổng số tài sản kiểm kê là 731 tài sản, với:

- Nguyên giá: 293.070.265.212 đồng;
- Giá trị còn lại: 232.030.850.773 đồng.

c) Theo tình trạng xác định giá trị tài sản

- Tài sản đã xác định được giá trị: 731 tài sản, là các tài sản đã được mua sắm, tiếp nhận, có hồ sơ, chứng từ và được theo dõi trên sổ kế toán, sổ tài sản theo quy định.
- Tài sản chưa xác định được giá trị: Không có.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN TỔNG KIỂM KÊ

1. Kết quả đạt được

Thông qua việc thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công, Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã rà soát, chuẩn hóa và cập nhật tương đối đầy đủ hệ thống dữ liệu tài sản công hiện có tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc. Kết quả kiểm kê đã phản ánh tương đối đầy đủ hiện trạng tài sản đang quản lý, sử dụng; đồng thời góp phần chuẩn hóa thông tin về đất đai, nhà cửa, máy móc, thiết bị và các tài sản khác trên phần mềm quản lý.

Kết quả tổng kiểm kê là cơ sở quan trọng để đơn vị tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài sản công, phục vụ tốt hơn công tác quản lý, theo dõi, khai thác, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo số liệu tài sản công trong thời gian tới.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Trong quá trình thực hiện, mặc dù đơn vị đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, song công tác rà soát, chuẩn hóa số liệu tài sản công vẫn gặp một số khó khăn nhất định, nhất là việc đối chiếu, cập nhật và chuẩn hóa hồ sơ, thông tin tài sản giữa thực tế sử dụng, sổ kế toán và dữ liệu trên phần mềm quản lý.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về cơ chế, chính sách

Đề nghị cấp có thẩm quyền nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể hơn đối với việc xử lý, theo dõi và quản lý các tài sản công đã hết khấu hao nhưng vẫn còn giá trị sử dụng, nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các đơn vị trong quá trình hạch toán, quản lý và sử dụng.

2. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản

Đề nghị xem xét cập nhật, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng theo yêu cầu nhiệm vụ và xu hướng đổi mới công nghệ hiện nay, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ quan, đơn vị.

3. Về xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý

Đề nghị tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện và đồng bộ hóa Phần mềm quản lý tài sản công, bảo đảm liên thông giữa dữ liệu kiểm kê thực tế tại đơn vị với cơ sở dữ liệu tài sản công; hỗ trợ thuận lợi hơn cho việc rà soát, cập nhật, chuẩn hóa và khai thác số liệu phục vụ công tác quản lý.

Trên đây là Báo cáo kết quả Tổng kiểm kê tài sản công; tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý của Thống kê tỉnh Lâm Đồng. Kính gửi Ban Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ban KHTC-CTK (để b/c);
- Trưởng Thống kê tỉnh;
- Phó Trưởng Thống kê tỉnh (đ/c Hải);
- Lưu: VT, TCHC.

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH



[Handwritten signature]

Phạm Quốc Hùng